TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** Bản án số: **13**/2021/HNGĐ-ST Ngày 12 – 01 -2021 *"V/v Ly hôn"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Xuân Thuấn
2. Ông Điểu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXX - ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978

(Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H (Nguyễn Văn N1), sinh năm 1975 (Vắng mặt).

NGUYÊN đơn, bị đơn cùng địa chỉ: Khu phố Đ, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án NGUYÊN đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 07/11/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do vợ chồng không có sự quan tâm, tôn trọng đối với nhau nữa, cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được nên bà và ông H đã tự sống ly thân khoảng một năm thì ông H quay về lại chung sống với bà, đến cuối năm 2019 hai vợ chồng tiếp tục sống ly thân cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai nữa. Bà N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho bà N được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có hai người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2000. Do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của ông H.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện NGUYÊN tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa NGUYÊN đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H cư trú tại khu phố Đ, phường P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 07/11/1997, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50. Do vậy, hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân của bà N và ông H: Bà N trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân khoảng 01 năm sau đó đoàn tụ chung sống đến cuối năm 2019 thì sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh tại địa phương (BL 18) xác nhận cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông H có xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân như bà N trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài đời sống chung được nữa. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông H.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông H có hai người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2000. Do các con chung đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H (Nguyễn Văn Nguyên).

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0006xxx ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND xã T, huyện Thuận Thành, tỉnh Bác Ninh (số 50 ngày 07/11/1997);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt